

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/ DS-ST

Ngày: 14 tháng 8 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư, bà Nguyễn Thị Vượng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Tống Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2020/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-DS ngày 09/7/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-DS ngày 16/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Ng, sinh năm: 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà SU, phố QT, phường TP, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Quỳnh M, sinh năm 1978 (có mặt)

Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 0A, ngõ 9S, tổ TN, phường XG, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05/3/2020, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 11/8/2016, chị đã cho chị Nguyễn Quỳnh M vay số tiền vay 10.000.000 đồng, chị M nói vay để trả tiền đầu nhót chị M buôn bán, thanh toán theo hình thức trả góp, tính gốc và lãi mỗi ngày trả 250.000 đồng, tổng cộng bằng 12.500.000 đồng. Do chị M xin trả gốc, lãi trong vòng 60 ngày nên chị đồng ý. Chị M có viết giấy nhận tiền, nhưng ghi nội dung chị M nhận số tiền 10.000.000 đồng để đặt cọc xin cho con trai chị vào làm trạm y tế xã Xương Giang và trả trong vòng 6 tháng. Chị M viết nội dung này là theo yêu cầu của chị vì chị M không có tài sản đảm bảo. Khi cho chị M vay tiền còn có chị Trần Thị Thanh H là bạn của chị M làm chứng.

Ngay sau khi chị đưa cho chị M số tiền vay, chị M đã đưa cho chị 250.000 đồng là tiền trả góp ngày đầu tiên, những ngày tiếp theo thì chị M không trả nữa. Khi chị gọi điện đòi thì chị M cho biết chị H sẽ trả tiền cho chị M, tuy nhiên, chị H không trả. Sau đó nhiều lần chị đến đòi tiền nhưng chị M không trả cho chị. Khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2019 do chị gửi đơn đến công an thành phố Bắc Giang nên gặp anh Nguyễn Văn C là chồng chị M, anh C hứa sẽ trả tiền cho chị M, nhưng sau đó chỉ trả được 1.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu chị M và anh C cùng có trách nhiệm trả cho chị số tiền vay gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Về tiền lãi yêu cầu trả theo mức 20%/năm trên số nợ gốc kể từ ngày vay 11/8/2016 cho đến ngày xét xử, chị nhất trí trừ 1.000.000 đồng anh C đã trả vào tiền lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Quỳnh M tại bản tự khai ngày 18/3/2020, ngày 6/5/2020, biên bản đối chất ngày 6/5/2020 trình bày: Do chị và chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1978 ở TNH, thành phố Bắc Giang là bạn bè quen biết, chị H cũng quen chị Hà Thị Ng. Ngày 11/8/2016, chị H nhờ chị đứng ra vay chị Ng 10.000.000 đồng giúp chị H, nên chị đồng ý. Chị H đã đưa chị đến nhà chị Ng, chị hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng để làm ăn nên chị Ng đồng ý. Chị và chị Ng đã thỏa thuận trả tiền vay gốc, lãi theo hình thức trả góp trong vòng 40 ngày. Cụ thể, tiền gốc 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng, trả theo từng ngày cho đến hết. Ngay khi vay, chị Ng cắt 2.000.000 đồng tiền lãi của chị và cắt tiếp 2.500.000 đồng để trả cho khoản vay của chị H nợ chị Ng, còn lại chị Ng đưa cho chị 5.500.000 đồng. Chị đồng ý và viết giấy nhận tiền. Sau đó, chị đã đưa 5.500.000 đồng cho chị H, chị và chị H thỏa thuận chị H trả tiền vay hàng ngày cho chị Ng. Việc chị vay tiền hộ chị H và có các thỏa thuận với chị H, chị Ng đều không biết. Theo chị H nói, trong hai mươi ngày đầu, chị H đều đến đóng tiền cho chị Ng, mỗi ngày 250.000 đồng, tổng bằng 5.000.000 đồng và chị H đã nói rõ với chị Ng trả cho khoản vay của chị, giữa chị H và chị Ng không viết giấy biên nhận gì. Sau này chị Ng đòi tiền, chị mới cho chị Ng biết số tiền đó là vay cho chị H và chị H nói đã trả tiền cho chị Ng, nhưng chị Ng nói chị H chưa trả đồng nào và vẫn đòi chị trả số tiền vay gốc. Tháng 12 năm 2017 âm lịch (khoảng tháng 2 năm 2018 dương lịch), chị đã đến nhà chị Ng trả 1.500.000 đồng, nhưng không viết giấy biên nhận. Chị Ng vẫn tiếp tục đòi 10.000.000 đồng gốc và lãi tính bằng 1.000 đồng/01 triệu/01 ngày, chị đã nói đã trả chị Ng được 9.000.000 đồng, còn nợ chị Ng 1.000.000 đồng và không đồng ý với yêu cầu của chị Ng. Khoảng tháng 6 năm 2019, chị Ng gửi đơn đến Công an thành phố Bắc Giang tố cáo chị lừa chị Ng, chị nhận còn nợ chị Ng 6.000.000 đồng và hẹn mỗi tháng sẽ trả chị Ng 1.000.000 đồng, lúc này anh C chồng chị mới biết sự việc. Sau này, anh C và chị Ng nói chuyện như thế nào, trả số tiền 1.000.000 đồng cho chị Ng như thế nào chị không biết. Nay chị Ng yêu cầu vợ chồng chị có trách nhiệm chung trả số tiền 10.000.000 đồng gốc, tiền lãi tính theo mức 20%/năm kể từ ngày vay đến ngày xét xử chị không đồng ý, vì chị đã trả hết tiền vay gốc, lãi cho chị Ng, riêng anh C không liên quan đến khoản vay này nên không phải trả nợ. Ngoài lời khai chị không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nào khác, không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú của chị Trần Thị Thanh H.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa án làm việc, không có mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Hà Thị Ng không yêu cầu anh Nguyễn Văn C có trách nhiệm cùng với chị Nguyễn Quỳnh M trả tiền vay cho chị. Chị Ng yêu cầu chị M trả tiền vay gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Về tiền lãi trước đây chị yêu cầu mức lãi suất 20%/năm, nay chị yêu cầu trả theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật tại thời điểm cho vay tính từ ngày vay đến ngày xét xử. Chị đồng ý trừ cho chị M số tiền 1.000.000 đồng anh C trả vào tiền lãi phải trả.

Bị đơn Chị Nguyễn Quỳnh M khai đã trả hết các khoản tiền vay gốc, lãi cho chị Ng, cụ thể: Ngày đầu vay tiền, chị đã trả cho chị Ng 2.000.000 đồng tiền lãi và trả 2.500.000 đồng tiền gốc cho 10 ngày tiếp theo, tiếp đến chị Trần Thị Thanh H đã trả cho chị Ng được 5.000.000 đồng trong 20 ngày tiếp, sau này chị trả được 1.500.000 đồng và anh C trả được 1.000.000 đồng. Như vậy, số tiền vay gốc, lãi chị đã trả hết, không nợ chị Ng nữa, nên không chấp nhận yêu cầu của chị Ng. Việc thanh toán cho chị Ng, chị không có giấy tờ gì chứng minh.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của chị Ng, chị M từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Đối với anh Nguyễn Văn C đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa, HĐXX xét xử vụ án là đúng pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, có cơ sở xác định chị Hà Thị Ng có cho chị Nguyễn Quỳnh M vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng, các bên có thỏa thuận lãi suất. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Ng, buộc chị Nguyễn Quỳnh M trả cho chị Hà Thị Ng số tiền vay gốc 10.000.000 đồng. Về tiền lãi, tính từ ngày vay đến ngày xét xử là 48 tháng 03 ngày bằng 3.607.500 đồng, trừ số tiền chị M đã trả là 1.250.000 đồng, chị M còn phải trả chị Ng số tiền 12.357.500 đồng. Về án phí, bị đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của của Chị Hà Thị Ng cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn C, HĐXX căn cứ điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án.

[3]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, các đương sự không tự giải quyết được, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Bắc Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo qui định tại khoản 3 điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ giấy vay ghi ngày 11/8/2016, chị M hẹn trả tiền cho chị Ng trong thời hạn 06 tháng. Ngày 05/3/2020 chị Hà Thị Ng gửi đơn khởi kiện đến Tòa án, theo điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vụ án là 3 năm kể từ ngày quyền, nghĩa vụ bị vi phạm, song trong quá trình giải quyết vụ án, chị M không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để xem xét, giải quyết, nên HĐXX xác định thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản vẫn còn theo quy định.

5]. Về nội dung tranh chấp:

Chị Hà Thị Ng khai cho chị Nguyễn Quỳnh M vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 11/8/2016, với thỏa thuận trả gốc, lãi bằng 250.000 đồng/ngày và trả trong vòng 50 ngày, tổng cộng gốc và lãi bằng 12.500.000 đồng. Chị M đã trả cho chị được 250.000 đồng và anh C trả thay cho chị M được 1.000.000 đồng. Chị Ng yêu cầu chị M trả số nợ gốc 10.000.000 đồng, yêu cầu tính theo mức lãi suất pháp luật quy định tại thời điểm cho vay và đồng ý trừ đi số tiền chị M, anh C đã trả. Chị Ng cũng đã xuất trình giấy nhận tiền ghi ngày 11/8/2016 do chị Nguyễn Quỳnh M viết. Bị đơn chị Nguyễn Quỳnh M xác nhận việc vay tiền của chị Ng là đúng, giấy nhận tiền là do chị viết, song số tiền vay gốc 10.000.000 đồng, lãi tính là 2.000.000 đồng, tổng bằng 12.000.000 đồng và trả trong thời hạn 40 ngày. Chị đã trả hết tiền cho chị Ng, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị Ng.

Xét lời khai của các đương sự, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho thấy giữa chị Hà Thị Ng và chị Nguyễn Quỳnh M có việc cho nhau vay tiền ngày 11/8/2016, số tiền vay 10.000.000 đồng. Mặc dù chị M khai vay tiền hộ chị Trần Thị Thanh H, song chị M cũng thừa nhận chị Ng không biết, chị M là người nhận tiền, viết giấy nhận nợ nên HĐXX xác định đây là khoản nợ của chị M với chị Ng. Đối với anh Nguyễn Văn C, trong giấy tờ vay chỉ có một mình chị M là người viết, ký nhận nợ, tại phiên tòa, chị Ng không yêu cầu anh C cùng có trách nhiệm với chị M thực hiện nghĩa vụ với chị nữa, HĐXX xét ý kiến của chị Ng là tự nguyện nên không xem xét trách nhiệm của anh C với khoản tiền nợ trên.

Về việc thanh toán, chị Ng thừa nhận chị M trả được 250.000 đồng và anh C trả cho một lần 1.000.000 đồng vào tiền lãi, còn chị M xác định đã trả hết cho chị Ng khoản tiền vay gốc và lãi bằng 12.000.000 đồng. Lời khai của chị M không được chị Ng thừa nhận. Ngoài lời khai này, chị M không có tài liệu nào khác chứng minh việc đã trả tiền cho chị Ng. Chị M khai chị Trần Thị Thanh H đã giúp chị trả tiền cho chị Ng được 5.000.000 đồng, song chị M không cung cấp được địa chỉ của chị H để Tòa án lấy lời khai, đồng thời cũng không có giấy tờ gì chứng minh việc chị H trả tiền cho chị Ng. Như vậy, không có căn cứ nào để xác định chị M đã trả toàn bộ số tiền vay

gốc, lãi cho chị Ng. HĐXX xét yêu cầu của chị Ng có căn cứ nên chấp nhận, buộc chị Nguyễn Quỳnh M phải trả cho chị Hà Thị Ng số tiền vay gốc 10.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Tại giấy nhận tiền, không ghi lãi suất, nhưng chị M và chị Ng đều thừa nhận khoản tiền vay có tính lãi. Do lời khai giữa hai bên mâu thuẫn, không rõ ràng về tiền lãi, tại thời điểm phát sinh quan hệ pháp luật trên, Bộ luật dân sự năm 2005 vẫn có hiệu lực thi hành, nên HĐXX căn cứ khoản 2 điều 476, khoản 5 điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010, áp dụng từ ngày 01/12/2010, lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng là 9%/ năm tương đương 0,75%/ tháng và 0,025%/ngày. Tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử bằng 48 tháng 03 ngày là: $\{(10.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng}) \times 48 \text{ tháng}\} + \{10.000.000 \text{ đồng} \times 0,25\%/\text{ngày} \times 3 \text{ ngày}\} = 3.607.500 \text{ đồng}$ C buộc chị M phải trả cho chị Ng.

Tổng số tiền gốc và lãi, sau khi trừ đi số tiền 1.250.000 đồng chị M đã trả chị Ng, chị M còn phải trả là: 12.357.500 đồng (mười hai triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

[6]. Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điều 227, 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 357; điều 429, điều 468; Điều 668 Bộ luật dân sự 2015. Điều 471, 474; khoản 5 điều 474, khoản 2 điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Ng.

Buộc chị Nguyễn Quỳnh M phải trả chị Hà Thị Ng số tiền vay gốc, lãi là 12.357.500 (mười hai triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

Về án phí: Chị Nguyễn Quỳnh M phải chịu 617.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Hà Thị Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 428.000 đồng tại biên lai thu số AA/2016/0000980 ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

σ

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Giang;
- VKSND -TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng